TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **122**/2018/HS-ST
Ngày 24-10-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Phạm Tuân**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Hiếu**
Ông **Lê Tịnh Thới**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Dương** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện L.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*:** Ông **Phan Quang Hùng** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 88/2018/HSST ngày 03 tháng 7 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2018/HSST-QĐ ngày 02/10/2018 và quyết định Hoãn phiên tòa số: 74/2018/HSST-QĐ ngày 16/10/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị Kim L;** Sinh năm: 1996, tại Đồng Nai; ĐKTT: ấp 3, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; Con ông Nguyễn Văn D (đã chết) và bà Ngô Thị H; Chồng Phan Văn Ch, sinh năm 1988; có 01 người con sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo hiện đang tại ngoại.*(Có mặt tại phiên tòa).*

- Bị hại:

L1**ê Thành Đ1**, sinh năm 2000 (đã chết).

- Người đại diện hợp pháp của bị hại:

1. Ông **Lê Thành Đ**, sinh năm 1973. ĐKTT: Đường 4, ấp 3, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Nai.(Có mặt)

2. Bà **Nguyễn Thị Thu Trang**, sinh năm 1980. ĐKTT: Ấp 1, xã Xuân Hưng, huyện L, tỉnh Đồng Nai.(có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. L1**ê Hùng Thái C**, sinh năm 1999. Địa chỉ: Tổ 5, ấp 2, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Nai.(Vắng mặt)

2. Anh **Bùi Đức L1**, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp 3, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Nai.(Vắng mặt)

3. Bà **Trần Thị Lệ H1**, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp 2, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Nai.(Vắng mặt)

- Người làm chứng:

1. Anh **Đinh Hà Hoài A**, sinh năm 1999. Địa chỉ: Ấp 4, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Nai.(Vắng mặt)

2. Anh **Văn Quốc H1,** sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp 3, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Nai.(Vắng mặt)

3. Em **Lê Thanh Tú**, sinh năm 2001. Địa chỉ: Số nhà 13, tổ 13, ấp 3, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

4. Em **Lê Ngọc Như A1**, sinh năm 2001. Địa chỉ: Số nhà 44, tổ 12, ấp 3, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Nai.(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ 10 phút ngày 14/10/2016, Nguyễn Thị Kim L điều khiển xe mô tô biển số 60B5 - 349.85 (không có giấy phép lái xe theo quy định) lưu thông trên Quốc lộ 1A theo hướng Bình Thuận đi thành phố Hồ Chí Minh. Khi đến Km 1773 + 100 Quốc lộ 1A thuộc ấp 3, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Nai thì L điều khiển cho xe dừng bên lề đường thuộc làn đường dành cho xe không có động cơ bên phải, bật xi nhan trái báo hiệu xin qua đường. Quan sát trước sau thì L phát hiện có 01 xe mô tô đang lưu thông từ phía sau tới cách vị trí mình khoảng chừng 20m. Vì nghĩ khoảng cách giữa hai xe còn xa nên L điều khiển cho xe từ từ chuyển hướng sang bên trái đường, khi xe vừa di chuyển được một nửa qua làn đường dành cho xe có động cơ bên phải thì cùng lúc đó xe mô tô biển số 60B5 - 339.64 do Lê Hùng Thái C, sinh ngày 10/11/1999, ngụ tại ấp 2, H, H L, Đồng Nai điều khiển chở theo Lê Thành Đ1, sinh ngày 26/01/2000, ngụ tại ấp 3, Xuân Hòa, Xuân Lộc, Đồng Nai lưu thông cùng chiều tới va chạm gây tai nạn giao thông. Hậu quả Lê Thành Đ1 bị thương được đưa đi cấp cứu và chết tại Bệnh viện Chợ Rẫy, thành phố Hồ Chí Minh vào lúc 06 giờ ngày 16/10/2016.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 561/PC54-KLGĐPY ngày 02/11/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai, kết luận nguyên nhân tử vong của Lê Thành Đ1: Suy hô hấp do chấn thương ngực kín dập phổi, gãy xương sườn/gãy xương cẳng chân.

Tại Công văn số 07/CV-PC54 ngày 18/01/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai về việc giải thích cơ chế hình thành thương tích, cơ chế hình thành thương tích của nạn nhân Lê Thành Đ1 như sau: Nạn nhân ngồi sau xe máy do người khác đều khiển, khi bị va chạm giao thông do không chủ động nên ngã té. Cơ thể nạn nhân mập, trọng lượng cơ thể thể rơi tự do đập phần lưng xuống nền đường có mặt phẳng rộng dẫn đến chấn thương ngực kín, gãy xương sường 6-7-8 cung sau, dập phổi hai bên, gãy hai xương cẳng chân gây nên tình trạng suy hô hấp dẫn đến tử vong.

Tại biên bản dựng lại hiện trường tai nạn giao thông vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 14 tháng 12 năm 2016 thể hiện:

- Đoạn đường nơi xảy ra tai nạn là đường thẳng, rải nhựa nhẵn, chiều rộng mặt đường 12m, giữa đường có vạch sơn phân tuyến không liên tục (vạch đứt khúc màu vàng), hai bên có vạch sơn phân làn đường liên tục(vạch sơn màu trắng).

Hiện trường vụ tai nạn giao thông được tính theo hướng Bình Thuận đi thành phố Hồ Chí Minh.

Điểm đụng: Điểm đụng giữa xe mô tô biển số 60B5 - 339.64 và xe mô tô biển số 60B5 - 349.85 là trên làn đường dành cho xe có động cơ bên phải theo hướng Bình Thuận đi thành phố Hồ Chí Minh, tại km 1773+100m, QL1A thuộc ấp 3, Xuân Hòa, Xuân Lộc, Đồng Nai.

Tại kết luận giám định tư pháp số 22_ 2018.KLGĐ_PT ngày 09/4/2018 của Sở giao thông Vận tải Đồng Nai kết luận: Không có căn cứ giám định được tốc độ của xe mô tô 02 bánh biển số 60B5-339.64 tại thời điểm xẩy ra tai nạn giao thông ngày 14/10/2016.

Tại Thông báo số 02/TB-PC54(Đ3) ngày 20/4/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai xác định: Không có cơ sở khoa học để xác định tốc độ của xe mô tô BKS: 60B5-339.64 là chủng loại phương tiện không nằm trong danh mục đăng kiểm thường niên của Cục Đăng kiểm - Bộ Giao thông vận tải.

Tại Kết luận giám định số 1643/C54B ngày 20/4/2018 của Phân viện Khoa học hình sự thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Không đủ cơ sở xác định tốc độ của xe mô tô biển số 60B5-339.64 khi tham gia gây tai nạn giao thông.

Vật chứng vụ án: Xe mô tô biển số 60B5 - 349.85; xe mô tô biển số 60B5 - 339.64.

Tại bản Cáo trạng số 102/CT-VKS-HS ngày 29 tháng 6 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Kim L về tội "*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*" theo điểm a, khoản 2 Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc giữ nguyên quan điểm truy tố theo bản cáo trạng và đề nghị:

+ Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

+ Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có con còn nhỏ, hiện đang có thai; chưa tiền án, tiền sự.

+ Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 202 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017) tuyên phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim L mức án từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Đối với Lê Hùng Thái C điều khiển xe mô tô chở Lê Thành Đ1 không có giấy phép lái xe theo quy định lưu thông trên đường dành cho xe có động cơ theo hướng Bình Thuận đi thành phố Hồ Chí Minh. Khi lưu thông đến gần xe của L thấy L đã dừng hẳn và nhường đường nên C đã cho xe tăng tốc đi qua. Khi khoảng cách còn khoảng 02m, L đột ngột cho xe di chuyển qua đường nên C không xử lý kịp, đây là sự kiện bất ngờ nên C không có lỗi. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Xuân Lộc không khởi tố và ra quyết định xử lý vi phạm hành chính về hành vi không có giấy phép lái xe đối với C là phù hợp.

Đối với anh Bùi Đức L1 là chủ sở hữu xe mô tô biển số 60B5-49.85. Tuy nhiên L1 không biết việc chị L lấy xe mô tô đi gây tai nạn nên không xử lý.

Đối với chị Trần Thị Lệ H1 là chủ sở hữu xe mô tô biển số 60B5-339.64. Tuy nhiên H1 không biết việc Lê Hùng Thái C lấy Xe mô tô đi chở Lê Thành Đ1 gây tai nạn nên không xử lý.

Về trách nhiệm dân sự:

Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo bồi thường cho đại diện hợp pháp cho người bị hại theo quy định pháp luật.

Về xử lý vật chứng: Xe mô tô biển số 60B5 - 349.85 và xe mô tô biển số 60B5 - 339.64 có giấy tờ hợp pháp nên cơ quan cảnh sát điều tra đã trả cho chủ sở hữu.

Bị cáo Nguyễn Thị Kim L nói lời sau cùng: Mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có điều kiện chăm sóc cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, trL1uận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị Kim L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Vào khoảng 21 giờ 10 phút ngày 14/10/2016, Nguyễn Thị Kim L điều khiển xe mô tô biển số 60B5 - 349.85 (không có giấy phép lái xe theo quy định) lưu thông trên Quốc lộ 1A theo hướng Bình Thuận đi thành phố Hồ Chí Minh. Khi đến Km 1773 + 100 Quốc lộ 1A thuộc ấp 3, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Nai thì L điều khiển xe mô tô chuyển hướng sang đường, vừa lúc đó xe mô tô biển số 60B5 - 339.64 do Lê Hùng Thái C điều khiển chở theo Lê Thành Đ1 lưu thông cùng chiều tới va chạm gây tai nạn giao thông. Hậu quả: Lê Thành Đ1 bị thương được đưa đi cấp cứu và chết tại Bệnh viện Chợ Rẫy, thành phố Hồ Chí Minh vào lúc 06 giờ ngày 16/10/2016.

[2] Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Kim L đã phạm vào khoản 2, Điều 15 Luật giao thông đường bộ. Khoản 2, Điều 15 quy định: *Trong khi chuyển hướng, người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng phải nhường quyền đi trước cho người đi bộ, người đi xe đạp đang đi trên phần đường dành riêng cho họ, nhường đường cho các xe đi ngược chiều và chỉ cho xe chuyển hướng khi quan sát thấy không gây trở ngại hoặc nguy hiểm cho người và phương tiện khác*.

[3] Như vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Thị Kim L đã phạm tội "*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*" tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009). Bị cáo điều khiển xe cơ giới không có giấy phép lái xe theo quy định là tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm a khoản 2 Điều 202 Bộ luật hình sự.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm nghiêm trọng đến trật tự an toàn giao thông đường bộ, gây thiệt hại đến tính mạng người khác. Do đó, cần phải áp dụng mức hình phạt tù nghiêm đối với bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo tự nguyện bồi bồi thường một phần thiệt hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hoàn cảnh gia đình khó khăn, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; hiện đang có thai 21 tuần tuổi. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nghĩ nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo và xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là đủ nghiêm.

[6] Đối với hành vi của Lê Hùng Thái C khi điều khiển xe mô tô chở bị hại Lê Thành Đ1 đã va chạm với xe của bị cáo L gây tai nạn; C đã lưu thông đúng làn đường theo Luật giao thông đường bộ (C điều khiển xe có động cơ nên lưu thông trên làn đường cho xe cơ giới là phù hợp); Về tốc độ xe mô tô do C điều khiển khi gây tai nạn: Qua trưng cầu giám định của các cơ quan chuyên môn kết luận không đủ cơ sở xác định tốc độ của xe mô tô biển số 60B5-339.64 khi tham gia gây tai nạn giao thông nên không có căn cứ xác định C điều khiển xe mô tô vượt quá tốc độ cho phép. Do đó hành vi của C không cấu thành tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ" nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Xuân Lộc không khởi tố và ra quyết định xử lý vi phạm hành chính về hành vi không có giấy phép lái xe đối với C là phù hợp. Đối với anh Bùi Đức L1 là chủ sở hữu xe mô tô biển số 60B5-49.85. Tuy nhiên L1 không biết việc chị L lấy xe mô tô đi gây tai nạn nên không xử lý trách nhiệm hình sự là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa đại diện hợp pháp của bị hại là bà Nguyễn Thị Thu Tr không yêu cầu bị cáo bồi thường. Đại diện hợp pháp của bị hại là ông Lê Thành Đ yêu cầu ngoài số tiền bị cáo đã bồi thường là 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng), ông yêu cầu bị cáo L phải bồi thường thêm các khoản thiệt hại về tinh thần, thu nhập bị thiệt hại, chi phí mai táng và chi phí đi lại tổng số tiền là 145.000.000 đồng (*một trăm bốn mươi lăm triệu đồng*), bị cáo L đồng ý bồi thường toàn bộ theo yêu cầu của ông Đ nên ghi nhận. Chị Trần Thị Lệ H1 đã nhận lại xe mô tô biển số 60B5-339.64 và không có yêu cầu gì về dân sự nên không xét.

[8] Về vật chứng vụ án: Xe mô tô biển số 60B5 - 349.85; xe mô tô biển số 60B5 - 339.64 có giấy tờ hợp pháp nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Xuân Lộc đã trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp.

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trên nên chấp nhận phần phù hợp.

[10] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[11] Về án phí: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội và bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm, yêu cầu bồi thường của đại diện hợp pháp cho bị hại được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thị Kim L** phạm tội "*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*".

2. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009); điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

3. Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thị Kim L 01 (Một)** năm **06 (Sáu)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày vào trại giam thi hành án.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46 Bộ luật hình sự, Điều 591 Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Kim L phải bồi thường cho ông Lê Thành Đ số tiền 145.000.000 đồng (*một trăm bốn mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của ông Lê Thành Đ, thì bị cáo Nguyễn Thị Kim L phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo nộp 200.000 (*hai trăm ngàn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 7.250.000 đồng (*Bảy triệu hai trăm năm mươi ngàn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được bản án hoặc niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Tuân

Nơi nhận:
- *TAND. T.Đồng Nai;*
- *VKSND T.Đồng Nai;*
- *Sở Tư pháp T.Đồng Nai;*
- *Công an H.Xuân Lộc;*
- *VKSND H.Xuân Lộc;*
- *Chi cục THADS H.Xuân Lộc;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Hồ sơ thi hành án;*
- *Lưu AV, HS;*